

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN**  
**Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2017**  
(Hướng dẫn Quyết định số 63/TTCP-C.IV ngày 26 tháng 2 năm 2018)

---

Thực hiện Kế hoạch số 115/KH-TTCP ngày 22/01/2018 về việc đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2017 và Quyết định số 63 /QĐ-TTCP của Tổng Thanh tra Chính phủ ngày 26 tháng 02 năm 2018 về ban hành Bộ chỉ số đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh 2017, Thanh tra Chính phủ hướng dẫn đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) cấp tỉnh năm 2017 như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, PHẠM VI, NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ**

**1. Mục đích**

- Đánh giá đúng và khuyến khích những nỗ lực của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là UBND cấp tỉnh) trong công tác PCTN, xây dựng văn hóa chống tham nhũng;

- Tăng cường phối hợp công tác giữa Thanh tra Chính phủ và UBND cấp tỉnh về công tác PCTN trên cơ sở phối hợp đánh giá, chia sẻ và nhân rộng những thực tiễn tốt, hỗ trợ các hoạt động trong công tác PCTN;

- Nâng cao hiệu quả, chất lượng thông tin, báo cáo về công tác PCTN; từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác PCTN.

**2. Phạm vi**

Phạm vi đánh giá là công tác PCTN thuộc trách nhiệm của UBND cấp tỉnh, bao gồm:

- Hoạt động quản lý nhà nước về PCTN của UBND cấp tỉnh, cơ quan thuộc UBND cấp tỉnh về PCTN;

- Kết quả thực hiện các quy định về PCTN của các cơ quan trực thuộc UBND cấp tỉnh và UBND cấp quận, huyện;

- Thời kỳ đánh giá: từ 16/12/2016 đến 15/12/2017.

**3. Nội dung**

Nội dung đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2017 bao gồm:

**3.1 Công tác quản lý nhà nước về PCTN**

Nội dung quản lý nhà nước về PCTN cụ thể như sau:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo về PCTN;

- Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện thể chế về công tác quản lý kinh tế xã hội để phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng;

- Công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN;

- Công tác kiểm tra, thanh tra;

- Sự tham gia của xã hội trong công tác PCTN;
- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về PCTN.

### **3.2 Kết quả thực hiện công tác PCTN**

Nội dung đánh giá kết quả thực hiện các quy định về PCTN, bao gồm:

- Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng;
- Kết quả phát hiện các hành vi tham nhũng;
- Kết quả xử lý các hành vi tham nhũng.

*(Thời kỳ lấy số liệu từ 16/12/2016 đến 15/12/2017).*

## **II. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

### **1. Nguyên tắc đánh giá**

- Việc đánh giá khách quan, toàn diện, trung thực, công khai, minh bạch;
- Việc đánh giá căn cứ vào Bộ chỉ số và tài liệu chứng minh về công tác PCTN;
- Đánh giá trong sự tương tác giữa Thanh tra Chính phủ và UBND cấp tỉnh, trên cơ sở tự đánh giá của UBND cấp tỉnh.

### **2. Phương pháp đánh giá**

Phương pháp đánh giá từng chỉ số theo hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục 1

### **3. Tổ chức đánh giá**

#### **3.1 UBND cấp tỉnh**

- Thu thập tài liệu, tổng hợp số liệu làm bằng chứng, lập hồ sơ đánh giá;
- Tiến hành tự đánh giá bằng cách chấm điểm và xây dựng báo cáo đánh giá;
- Gửi Báo cáo kết quả đánh giá và hồ sơ đánh giá về Thanh tra Chính phủ *(bản giấy qua Cục Chống tham nhũng và bản điện tử theo địa chỉ email [PACAC4@thanhtra.gov.vn](mailto:PACAC4@thanhtra.gov.vn));* X X X
- Phối hợp, giải trình hoặc cung cấp tài liệu để làm rõ yêu cầu của Thanh tra Chính phủ.

#### **3.2 Thanh tra Chính phủ**

- Tập huấn và hỗ trợ UBND cấp tỉnh về công tác đánh giá;
- Phối hợp với UBND cấp tỉnh xem xét, làm rõ Báo cáo đánh giá của UBND cấp tỉnh;
- Xây dựng, tổ chức công bố Báo cáo quốc gia về công tác PCTN cấp tỉnh 2017.

**Phụ lục 1: NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

<b>NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ</b>	<b>Thang điểm</b>												
	<b>100</b>												
<b>A. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC PCTN</b>	<b>20</b>												
<b>1. Lãnh đạo, chỉ đạo về công tác PCTN</b>	<b>5.0</b>												
<p><b>1.1 Văn bản chỉ đạo về công tác PCTN</b></p> <p>Việc ban hành các văn bản chỉ đạo công tác PCTN phải đáp ứng các yêu cầu về đầy đủ nội dung và kịp thời.</p> <p><b>1.1.1 Yêu cầu nội dung:</b></p> <p><b>1.1.1.1 Triển khai công tác PCTN do Trung ương chỉ đạo.</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc chỉ đạo của UBND cấp tỉnh theo yêu cầu triển khai nhiệm vụ do Trung ương chỉ đạo<sup>1</sup>.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th align="center">Mức độ hoàn thành</th> <th align="center">Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Có chỉ đạo đầy đủ các nội dung theo yêu cầu</td> <td align="center">0.9</td> </tr> <tr> <td>Thiếu mỗi nội dung không có ý kiến chỉ đạo</td> <td align="center">- 0.1</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>1.1.1.2 Triển khai công tác PCTN từ thực tế địa phương.</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc chỉ đạo của UBND cấp tỉnh theo các nhiệm vụ PCTN đặt ra từ thực tế điều hành của địa phương.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th align="center">Mức độ hoàn thành</th> <th align="center">Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Có văn bản chỉ đạo</td> <td align="center">0.1</td> </tr> <tr> <td>Không có văn bản chỉ đạo</td> <td align="center">0</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>1.1.2 Yêu cầu về tính kịp thời:</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá sự kịp thời trong chỉ đạo, lãnh đạo về công tác PCTN của địa phương.</p> <p>Việc chỉ đạo, lãnh đạo được coi là kịp thời nếu trong vòng 01 tháng tính từ thời điểm Trung ương ra văn bản chỉ đạo, UBND cấp tỉnh ban hành văn bản triển khai thực hiện.</p>	Mức độ hoàn thành	Điểm số	Có chỉ đạo đầy đủ các nội dung theo yêu cầu	0.9	Thiếu mỗi nội dung không có ý kiến chỉ đạo	- 0.1	Mức độ hoàn thành	Điểm số	Có văn bản chỉ đạo	0.1	Không có văn bản chỉ đạo	0	<p><b>2.0</b></p> <p>1.0</p> <p>0.9</p> <p>0.1</p> <p>1.0</p>
Mức độ hoàn thành	Điểm số												
Có chỉ đạo đầy đủ các nội dung theo yêu cầu	0.9												
Thiếu mỗi nội dung không có ý kiến chỉ đạo	- 0.1												
Mức độ hoàn thành	Điểm số												
Có văn bản chỉ đạo	0.1												
Không có văn bản chỉ đạo	0												

<sup>1</sup> Kết luận số 10/KL-TW tháng 12/2016; Quy định số 65-QĐ/TW ngày 03/02/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Nghị quyết số 25/NQ-CP của Chính phủ ngày 08/02/2017; Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 02/10/2017 của Chính phủ; Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 29/11/2017 của Chính phủ; Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 14/03/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 02/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định 705/QĐ-TTg ngày 20/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Cách tính điểm như sau:		
<b>Mức độ hoàn thành</b>	<b>Điểm số</b>	
Tất cả các văn bản được ban hành kịp thời	1.0	
Mỗi văn bản ban hành muộn từ 1 tháng trở lên	- 0.1	
<b>1.2 Chương trình, kế hoạch PCTN</b>		<b>3.0</b>
<b>1.2.1 Về hình thức văn bản:</b>		1.0
Chỉ số này đánh giá, khuyến khích địa phương có Văn bản thống nhất về chương trình, kế hoạch PCTN do UBND cấp tỉnh ban hành. Cách tính điểm như sau:		
<b>Mức độ hoàn thành</b>	<b>Điểm số</b>	
Có văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành	1.0	
Không có văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành	0.0	
<b>1.2.2 Về nội dung:</b>		2.0
Nội dung chương trình, kế hoạch PCTN được xác định từ văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành hoặc tổng hợp từ các kế hoạch thành phần do cơ quan của UBND tỉnh ban hành áp dụng cho toàn tỉnh.		0.5
<b>1.2.2.1 Xác định mục tiêu.</b>		
Chỉ số này đánh giá việc xác định rõ các mục tiêu cần đạt được về: (1) Hoàn thiện thể chế quản lý; (2) Giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật; (3) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa; (4) Thực hiện các biện pháp phát hiện và (5) Xử lý tham nhũng trong năm của địa phương. Cách tính điểm như sau:		
<b>Mức độ hoàn thành</b>	<b>Điểm số</b>	
Xác định đầy đủ 5 mục tiêu	0.5	
Thiếu mỗi mục tiêu	- 0.1	
<b>1.2.2.2 Xác định những nhiệm vụ hoặc hoạt động cụ thể.</b>		0.5
Chỉ số này đánh giá việc xác định rõ nhiệm vụ hoặc hoạt động cụ thể phù hợp với đặc điểm, tình hình tại địa phương theo các mục tiêu đã xác định. Cách tính điểm như sau:		
<b>Mức độ hoàn thành</b>	<b>Điểm số</b>	
Xác định đầy đủ các nhiệm vụ hoặc hoạt động	0.5	
Thiếu mỗi nhóm nhiệm vụ hoặc hoạt động cho mỗi mục tiêu	- 0.1	

1.0

**2.2.3 Phân công, phân phối nguồn lực thực hiện.**

Chỉ số này đánh giá việc phân công các đơn vị chủ trì, phối hợp gắn với phân phối nguồn lực, tài chính thực hiện nhiệm vụ, hoạt động đề ra.

*Yêu cầu sự phân công rõ ràng về trách nhiệm thực hiện và xử lý trách nhiệm khi nhiệm vụ, hoạt động không được thực hiện.*

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Phân công rõ ràng, cụ thể, đầy đủ cơ quan, đơn vị thực hiện nội dung công việc đáp ứng đầy đủ yêu cầu.	1
Không xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp cho mỗi hoạt động.	- 0.1

**2. Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện thể chế về công tác quản lý kinh tế xã hội để phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng.**

2.0

**2.1 Ban hành kế hoạch:**

0.9

**Về hình thức:**

0.1

Chỉ số này khuyến khích địa phương có văn bản thống nhất về chương trình, kế hoạch nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện thể chế do UBND cấp tỉnh ban hành.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Có văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành	0.1
Không có văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành	0

**Về nội dung:** Nội dung kế hoạch bao gồm:

**2.1.1 Xác định mục tiêu**

0.1

Chỉ số đánh giá việc xác định rõ các mục tiêu cần đạt được trong nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện thể chế về quản lý kinh tế xã hội và công tác phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng ở địa phương.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu và hoạt động cụ thể	0.1
Không xác định rõ mục tiêu, hoạt động cụ thể.	0

### 2.1.2 Xác định những nhiệm vụ/hoạt động cụ thể.

Chỉ số này đánh giá việc xác định nhiệm vụ/hoạt động cụ thể phù hợp với đặc điểm, tình hình tại địa phương theo mục tiêu đã xác định.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Xác định rõ, đầy đủ nhiệm vụ/ hoặc hoạt động cụ thể	0.1
Không xác định rõ các nhiệm vụ hoặc hoạt động cụ thể	0

### 2.1.3 Phân công, phân phối nguồn lực thực hiện.

Chỉ số này đánh giá việc phân công các đơn vị chủ trì, phối hợp gắn với phân phối nguồn lực, tài chính thực hiện nhiệm vụ hoạt động đề ra.

*Yêu cầu sự phân công rõ ràng về trách nhiệm thực hiện và có biện pháp xử lý trách nhiệm khi không thực hiện.*

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Phân công đơn vị thực hiện, kinh phí đầy đủ đối với từng hoạt động và có xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp	0.6
Không xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp chỗ mỗi nội dung.	- 0.1

### 2.2 Kết quả thực hiện xây dựng thể chế:

Chỉ số này đánh giá việc thực hiện kế hoạch nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện thể chế để phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng.

Cách tính điểm như sau:

$$\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số hoạt động hoàn thành} \times 0.6}{\text{Tổng số hoạt động theo kế hoạch}}$$

### \* 2.3 Có kiến nghị hoàn thiện thể chế:

Chỉ số này đánh giá việc chủ động phát hiện những sơ hở bất cập về chính sách quản lý và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi để loại bỏ điều kiện phát sinh tham nhũng. Kiến nghị phải được thể hiện bằng văn bản hoặc ở các báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng kết. Các kiến nghị này phải từ thực tiễn của địa phương.

Cách tính điểm như sau:

Kết quả	Điểm số
Trên 8 kiến nghị	0.5
Từ 6 đến 8 kiến nghị	0.4
Từ 4 đến 5 kiến nghị	0.3
Từ 1 đến 3 kiến nghị	0.2
Không có kiến nghị	0

**3. Giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN**

**3.0**

**3.1 Kế hoạch, chương trình giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN:**

**0.9**

**3.1.1 Về hình thức:**

0.1

Chỉ số này khuyến khích địa phương có văn bản thống nhất về chương trình, kế hoạch giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN do UBND cấp tỉnh ban hành.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Có văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành	0.1
Không có văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành	0

**3.1.2 Về nội dung:**

0.8

**3.1.2.1 Xác định mục tiêu cụ thể.**

0.2

Chỉ số này đánh giá việc xác định rõ các mục tiêu cần đạt được của các nhóm công tác: (1) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật nói chung và pháp luật PCTN nói riêng theo yêu cầu của địa phương và Chương trình phổ biến pháp luật theo Quyết định 705/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ; (2) Giáo dục phòng, chống tham nhũng đối với các đối tượng và (3) Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu cụ thể cho từng nhóm đối tượng	0.2
Không xác định rõ, đầy đủ mục tiêu	0

**3.1.2.2 Xác định những nhiệm vụ và hoạt động cụ thể.**

Chỉ số này đánh giá việc xác định các hoạt động cụ thể để đạt được các mục tiêu.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Xác định rõ, đầy đủ các nhóm nhiệm vụ hoặc hoạt động cụ thể cho mỗi mục tiêu	0.3
Thiếu mỗi nhiệm vụ hoặc hoạt động	- 0.1

**3.1.2.3 Phân công, phân phối nguồn lực thực hiện.**

Chỉ số này đánh giá việc phân công các đơn vị chủ trì, phối hợp gắn với phân phối nguồn lực, tài chính thực hiện nhiệm vụ hoạt động đề ra.

*Yêu cầu sự phân công rõ ràng về trách nhiệm thực hiện và có biện pháp xử lý trách nhiệm khi không thực hiện.*

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Phân công đầy đủ nội dung công việc và có xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp	0.3
Không phân công các công việc cụ thể không xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp	0.0

**3.2 Thực hiện kế hoạch, chương trình giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN**

**3.2.1 Thực hiện các nội dung của kế hoạch thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg**

Chỉ số này đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động về việc đưa nội dung PCTN vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục tại địa phương theo Chỉ thị 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Cách tính điểm như sau:

$$\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Các hoạt động đã thực hiện} \times 0.6}{\text{Tổng số hoạt động theo kế hoạch}}$$

**3.2.2 Thực hiện các nội dung của kế hoạch thực hiện chỉ thị 05/CT-TW**

Chỉ số này đánh giá kết quả thực hiện đầy mạnh việc tiếp tục học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05/CT-TW của Bộ Chính trị.



Cách tính điểm như sau:

$$\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Các hoạt động đã thực hiện} \times 0.5}{\text{Tổng số hoạt động theo kế hoạch}}$$

### 3.2.3 Thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật của địa phương

Chỉ số này đánh giá kết quả hoàn thành kế hoạch tuyên truyền phổ biến pháp luật của địa phương và Chương trình phổ biến pháp luật theo Quyết định 705/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Cách tính điểm như sau:

$$\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Các hoạt động đã hoàn thành} \times 0.5}{\text{Tổng số hoạt động theo kế hoạch}}$$

*Hoạt động đã hoàn thành là hoạt động trong kế hoạch đã được kết thúc đến sản phẩm cuối cùng.*

0.5

### 3.3 Sáng tạo trong công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN

Chỉ số này nhằm khuyến khích địa phương sáng tạo để nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Có sáng tạo	0.5
Không có sự sáng tạo	0

*Sáng tạo là cách làm mới, hình thức mới trong công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN phù hợp với địa phương mình.*

0.5

## 4. Công tác thanh tra, kiểm tra

7.0

### 4.1 Kế hoạch thanh tra, kiểm tra

1.5

Kế hoạch thanh tra, kiểm tra tại địa phương do UBND cấp tỉnh thống nhất ban hành thành kế hoạch chung hoặc tổng hợp từ kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các cơ quan trực thuộc UBND cấp tỉnh và UBND cấp quận, huyện.

#### 4.1.1 Về hình thức:

0.5

Chỉ số này khuyến khích UBND cấp tỉnh ban hành văn bản về kế hoạch thanh tra, kiểm tra.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Có văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành	0.5
Không có văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành	0

1.0

#### 4.1.2 Về nội dung:

##### 4.1.2.1 Xác định mục tiêu.

X

0.3

Chỉ số này đánh giá việc xác định rõ các mục tiêu cần đạt được của các cơ quan trực thuộc UBND cấp tỉnh và UBND cấp huyện trong công tác thanh tra, kiểm tra.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Xác định rõ các mục tiêu cụ thể của công tác thanh tra, kiểm tra ở địa phương	0.3
Không xác định rõ các mục tiêu cụ thể của công tác thanh tra, kiểm tra ở địa phương	0

0.4

##### 4.1.2.2 Xác định những nhiệm vụ và hoạt động cụ thể.

Chỉ số này đánh giá việc xác định các hoạt động cụ thể để đạt được các mục tiêu.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Xác định rõ, đầy đủ các nhóm nhiệm vụ hoặc hoạt động cụ thể cho mỗi mục tiêu	0.4
Thiếu mỗi nhiệm vụ hoặc hoạt động	- 0.1

0.3

##### 4.1.2.3 Phân công, phân phối nguồn lực thực hiện.

Chỉ số này đánh giá việc phân công các đơn vị chủ trì, phối hợp gắn với phân phối nguồn lực, tài chính thực hiện nhiệm vụ hoạt động đề ra.

*Yêu cầu sự phân công rõ ràng về trách nhiệm thực hiện và có biện pháp xử lý trách nhiệm khi không thực hiện.*

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Phân công đầy đủ nội dung công việc và có xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp	0.3
Không phân công các công việc cụ thể không xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp	0

## 4.2 Thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra

5.5

### 4.2.1 Việc thực hiện thanh tra trách nhiệm:

2.5

Chỉ số này đánh giá kết quả thực hiện thanh tra trách nhiệm theo kế hoạch.

Khung điểm của Chỉ số này từ 0 đến 2.5 điểm; cách tính điểm như sau:

$$\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cuộc thanh tra trách nhiệm đã hoàn thành} \times 2.5}{\text{Tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm triển khai theo kế hoạch}}$$

*Cuộc thanh tra trách nhiệm đã hoàn thành là cuộc thanh tra trong kế hoạch năm đã có kết luận.*

### 4.2.2 Việc triển khai kế hoạch thanh tra kinh tế - xã hội:

2.0

#### 4.2.2.1 Việc triển khai kế hoạch thanh tra KTXH.

0.5

Chỉ số này đánh giá việc triển khai các cuộc thanh tra KTXH theo kế hoạch đã được ban hành.

Cách tính điểm như sau:

$$\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cuộc thanh tra KTXH kết thúc} \times 0.5}{\text{Tổng số cuộc thanh tra KTXH theo kế hoạch và đợt xuất trong năm}}$$

*Cuộc thanh tra KTXH kết thúc là cuộc thanh tra đã có báo cáo kết quả thanh tra.*

#### 4.2.2.2 Kết quả thực hiện kế hoạch các cuộc thanh tra KTXH.

1.5

Chỉ số này đánh giá kết quả thực hiện các cuộc thanh tra KTXH.

Cách tính điểm như sau

$$\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cuộc thanh tra KTXH hoàn thành} \times 1.5}{\text{Tổng số cuộc thanh tra KTXH đã triển khai theo kế hoạch và đợt xuất trong năm}}$$

*Cuộc thanh tra KTXH hoàn thành là cuộc thanh tra đã có kết luận.*

### 4.2.3 Việc triển khai kế hoạch kiểm tra

1.0

Chỉ số này nhằm đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kiểm tra đã được ban hành.

Cách tính điểm như sau:

$$\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cuộc kiểm tra hoàn thành} \times 1.0}{\text{Tổng số cuộc kiểm tra theo kế hoạch}}$$

*Cuộc kiểm tra hoàn thành là cuộc kiểm tra trong năm đã có kết luận.*

<b>5. Về sự tham gia của xã hội trong công tác PCTN</b>	<b>2.0</b>												
<p><b>5.1 Xây dựng nội dung phối hợp về công tác PCTN</b></p> <p><b>5.1.1 Có quy chế phối hợp công tác giữa UBND và cơ quan thuộc UBND cấp tỉnh với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh:</b></p> <p>Chỉ số này khuyến khích UBND cấp tỉnh ban hành quy chế phối hợp công tác với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên về PCTN.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="206 559 1225 773"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Có quy chế phối hợp</td> <td>0.4</td> </tr> <tr> <td>Không có quy chế phối hợp</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>5.1.2 Có chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc phối hợp công tác với UBMTTQ:</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá chỉ đạo của UBND cấp tỉnh đối với các đơn vị trực thuộc trong phối hợp công tác với UBMTTQ và các tổ chức thành viên về PCTN.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="206 999 1225 1213"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Có văn bản chỉ đạo</td> <td>0.2</td> </tr> <tr> <td>Không có văn bản chỉ đạo</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Mức độ hoàn thành	Điểm số	Có quy chế phối hợp	0.4	Không có quy chế phối hợp	0	Mức độ hoàn thành	Điểm số	Có văn bản chỉ đạo	0.2	Không có văn bản chỉ đạo	0	<p><b>0.6</b></p> <p>0.4</p> <p>0.2</p>
Mức độ hoàn thành	Điểm số												
Có quy chế phối hợp	0.4												
Không có quy chế phối hợp	0												
Mức độ hoàn thành	Điểm số												
Có văn bản chỉ đạo	0.2												
Không có văn bản chỉ đạo	0												
<p><b>5.2 Tiếp thu các kiến nghị sau giám sát</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá sự tiếp thu của UBND cấp tỉnh đối với các kiến nghị sau giám sát của UBMTTQ và các tổ chức thành viên các cấp trong các hoạt động giám sát.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số kiến nghị sau giám sát được tiếp thu} \times 0.4}{\text{Tổng số kiến nghị sau giám sát}}$ <p><i>Kiến nghị sau giám sát được tiếp thu là kiến nghị trong báo cáo giám sát đã được UBND cấp tỉnh thực hiện và có văn bản trả lời.</i></p> <p><b>5.3 Tổ chức tiếp công dân</b></p> <p><b>5.3.1 Việc tiếp công dân của lãnh đạo UBND cấp tỉnh:</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá trách nhiệm thực hiện quy định về tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.</p>	<p><b>0.4</b></p> <p>1.0</p> <p>0.7</p>												

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Chủ tịch UBND cấp tỉnh tiếp đủ 12 tháng trong năm	0.7
Thiếu mỗi tháng không tiếp công dân	- 0.1

**5.3.2 Việc tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của công dân bằng các hình thức khác:**

0.3

Chỉ số này đánh giá việc UBND cấp tỉnh tổ chức tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của công dân bằng các hình thức khác như: (1) thiết lập số điện thoại đường dây nóng; (2) hộp thư điện tử - email và (3) giao tiếp qua Cổng thông tin điện tử.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Có đầy đủ 03 hình thức nêu trên	0.3
Thiếu mỗi hình thức	- 0.1

**6. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo về PCTN**

1.0

**6.1 Thực hiện đầy đủ kịp thời chế độ thông tin, báo cáo**

0.5

Chỉ số này đánh giá việc chấp hành chế độ thông tin, báo cáo về PCTN của UBND cấp tỉnh lên Trung ương.

Cách tính điểm như sau:

$$\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số báo cáo đã thực hiện} \times 0.5}{\text{Tổng số báo cáo phải thực hiện}}$$

*Báo cáo đã thực hiện là báo cáo đảm bảo đúng yêu cầu về nội dung, hình thức và thời hạn nộp báo cáo.*

**6.2 Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo ở địa phương**

0.5

Chỉ số này đánh giá việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về PCTN của các đơn vị trực thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện.

Cách tính điểm như sau:

$$\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đơn vị hoàn thành báo cáo} \times 0.5}{\text{Tổng số đơn vị phải báo cáo}}$$

*Đơn vị hoàn thành báo cáo là đơn vị thực hiện đầy đủ, kịp thời yêu cầu báo cáo trong năm.*

<b>B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA</b>	<b>30</b>
<b>1. Việc thực hiện công khai, minh bạch</b>	<b>9.0</b>
<p><b>1.1 Thực hiện công khai chính sách, pháp luật trên cổng thông tin điện tử</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc thực hiện công khai bằng hình thức đăng tải trên cổng thông tin điện tử các văn bản quy định thuộc 19 lĩnh vực phải công khai theo quy định tại điều Mục 1 Chương II Luật PCTN.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số văn bản đã đăng tải lên cổng thông tin điện tử} \times 1.0}{\text{Tổng số văn bản đã ban hành}}$	<b>1.0</b>
<p><b>1.2 Công khai, minh bạch trong một số lĩnh vực được lựa chọn trong năm 2017</b></p> <p><b>1.2.1 Công tác cán bộ:</b> ✕</p> <p>Chỉ số này đánh giá việc công khai, minh bạch công tác tổ chức, cán bộ của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh bao gồm các nội dung sau: (1) Công khai phân bổ Chỉ tiêu biên chế (2) Công khai thông tin tuyển dụng hàng năm của cơ quan, đơn vị; (3) Công khai quy hoạch cán bộ (4) Công khai thông tin luân chuyển, điều động (5) Công khai việc bầu, bổ nhiệm CB,CC,VC và (6) Kết quả kiểm tra, thanh tra, rà soát năm 2017 về việc bổ nhiệm cán bộ theo chỉ đạo của Trung ương.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đơn vị công khai đầy đủ} \times 1.5}{\text{Tổng số đơn vị phải công khai}}$ <p><i>Đơn vị công khai đầy đủ là đơn vị công khai đủ 6 nội dung nêu trên.</i></p> <p><b>1.2.2 Về lĩnh vực tài chính và ngân sách nhà nước:</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc công khai, minh bạch về tài chính, ngân sách của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh, bao gồm các nội dung sau: (1) Số liệu dự toán ngân sách năm 2017, quyết toán ngân sách 2016 (kể cả ngân sách bổ sung) được công khai theo quy định; (2) Số liệu dự toán kinh phí năm 2017, quyết toán năm 2016 của các đơn vị dự toán và (3) Kết quả thanh tra, kiểm toán và kết quả thực hiện các kiến nghị của thanh tra, kiểm toán đối với đơn vị (nếu có).</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đơn vị công khai đầy đủ} \times 1.5}{\text{Tổng số đơn vị phải công khai}}$	<p><b>8.0</b></p> <p>1.5</p> <p>1.5</p>

*Đơn vị công khai đầy đủ là đơn vị công khai đủ 3 nội dung nêu trên.*

### **1.2.3 Về lĩnh vực đất đai, tài nguyên:**

Chỉ số này đánh giá việc thực hiện công khai, minh bạch về lĩnh vực quản lý đất đai, tài nguyên của UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện bao gồm các nội dung sau: (1) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khoáng sản trên địa bàn; (2) Kế hoạch, kết quả giao đất, cho thuê đất; (3) Kế hoạch, kết quả thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; (4) Kế hoạch, kết quả đấu giá quyền sử dụng đất, quyền khai thác tài nguyên khoáng sản và (5) Các khoản thu ngân sách từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản.

1.5

Cách tính điểm như sau:

$$\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đơn vị công khai đầy đủ theo thẩm quyền} \times 1.5}{\text{Tổng số đơn vị phải công khai}}$$

*Đơn vị công khai đầy đủ là đơn vị công khai đủ nội dung nêu trên theo thẩm quyền.*

### **1.2.4 Về lĩnh vực đầu tư, mua sắm công**

Chỉ số này đánh giá việc công khai, minh bạch về lĩnh vực đầu tư, mua sắm công do UBND cấp huyện và các cơ quan trực thuộc UBND cấp tỉnh là chủ đầu tư, bao gồm: (1) Kế hoạch, chương trình đầu tư, mua sắm công; (2) Danh mục dự án đầu tư, mua sắm công; (3) Việc thực hiện đầu tư, mua sắm công và (4) Báo cáo kết quả thực hiện, kết quả đầu tư.

1.5

Cách tính điểm như sau:

$$\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đơn vị công khai đầy đủ} \times 1.5}{\text{Tổng số đơn vị phải công khai}}$$

*Đơn vị công khai đầy đủ là đơn vị công khai đủ 4 nội dung nêu trên.*

### **1.2.5 Về lĩnh vực giáo dục**

Chỉ số này đánh giá việc công khai, minh bạch trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo của các cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, bao gồm: (1) Việc công khai điều kiện tuyển sinh, điều kiện cấp văn bằng, chứng chỉ; (2) Công khai các khoản thu, mức thu, cơ sở vật chất, tài chính; (3) Công khai thực hiện cam kết chất lượng đào tạo.

1.0

Cách tính điểm như sau:

$$\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đơn vị công khai đầy đủ} \times 1.0}{\text{Tổng số đơn vị phải công khai}}$$

*Đơn vị công khai đầy đủ là đơn vị công khai đủ 3 nội dung nêu trên.*

<p><b>1.2.6 Về lĩnh vực y tế:</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc công khai, minh bạch về lĩnh vực y tế theo thẩm quyền của UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện về: (1) Trình tự, thủ tục cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề y, dược tư nhân, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, dược; (2) Danh mục giấy phép hành nghề y, dược tư nhân trên phạm vi địa phương; (3) Công khai tài chính theo quy định của pháp luật.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đơn vị công khai đầy đủ} \times 1.0}{\text{Tổng số đơn vị phải công khai}}$ <p><i>Đơn vị công khai đầy đủ là đơn vị phải công khai đủ 3 nội dung nêu trên</i></p>	1.0
<p><b>2. Cải cách hành chính</b></p>	3.0
<p>Chỉ số này đánh giá kết quả cải cách hành chính của địa phương dựa trên Điểm số cải cách hành chính do Bộ Nội vụ công bố (PAR index 2016).</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{PAR index 2016} \times 3.0}{100}$	
<p><b>3. Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</b></p>	2.0
<p><b>3.1 Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác trên địa bàn</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc lập kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác trong năm 2017 của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đơn vị lập kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác} \times 0.5}{\text{Tổng số đơn vị phải chuyển đổi vị trí công tác}}$	0.5
<p><b>3.2 Kết quả của việc chuyển đổi</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo kế hoạch của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số CC,VC đã chuyển đổi vị trí công tác trong năm} \times 1.5}{\text{Tổng số CC,VC phải chuyển đổi vị trí công tác theo kế hoạch}}$	1.5

Số NV



Minh bạch Tài sản, thu nhập (TSTN)	5.0												
<p><b>4.1 Việc kê khai</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc kê khai TSTN của cán bộ, công chức, viên chức (CB, CC, VC) thuộc diện phải kê khai thuộc UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cơ quan, đơn vị đã hoàn thành kê khai TSTN đúng quy định} \times 0.5}{\text{Tổng số cơ quan, đơn vị phải tổ chức kê khai TSTN}}$	0.5												
<p><b>4.2 Việc công khai</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc công khai bản kê khai TSTN của CB,CC,VC theo quy định.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đơn vị đã thực hiện công khai TSTN đúng quy định} \times 0.5}{\text{Tổng số đơn vị phải kê khai}}$	0.5												
<p><b>4.3 Việc xác minh TSTN</b></p> <p><b>4.3.1 Số cuộc xác minh TSTN</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc xác minh TSTN đối với CB,CC,VC của UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="170 1232 1219 1447"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Có xác minh TSTN</td> <td>2.0</td> </tr> <tr> <td>Không xác minh TSTN</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>4.3.2 Kết quả xác minh TSTN</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá kết quả xác minh TSTN của UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="170 1701 1219 1913"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Có phát hiện vi phạm về minh bạch TSTN</td> <td>2.0</td> </tr> <tr> <td>Không phát hiện vi phạm về minh bạch TSTN</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Mức độ hoàn thành	Điểm số	Có xác minh TSTN	2.0	Không xác minh TSTN	0	Mức độ hoàn thành	Điểm số	Có phát hiện vi phạm về minh bạch TSTN	2.0	Không phát hiện vi phạm về minh bạch TSTN	0	<p>4.0</p> <p>2.0</p> <p>2.0</p>
Mức độ hoàn thành	Điểm số												
Có xác minh TSTN	2.0												
Không xác minh TSTN	0												
Mức độ hoàn thành	Điểm số												
Có phát hiện vi phạm về minh bạch TSTN	2.0												
Không phát hiện vi phạm về minh bạch TSTN	0												

<p><b>5. Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc sửa đổi, hoàn thiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn (CĐ, ĐM, TC) của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đơn vị có sửa đổi, hoàn thiện các CĐ, ĐM, TC} \times 2.0}{\text{Tổng số đơn vị trực thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện}}$	<b>2.0</b>
<p><b>6. Xử lý kỷ luật người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc xử lý kỷ luật người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị (CQ, TC, ĐV) khi để xảy ra tham nhũng.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu CQ, TC, ĐV đã bị kỷ luật} \times 4.0}{\text{Số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu CQ, TC, ĐV để xảy ra tham nhũng}}$	<b>4.0</b>
<p><b>7. Kết quả phát hiện, xử lý các sai phạm trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa (BPPN)</b></p>	<b>5.0</b>
<p><b>7.1 Việc phát hiện vi phạm</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc tự phát hiện vi phạm các quy định về phòng ngừa tham nhũng của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cơ quan, đơn vị tự phát hiện vi phạm trong thực hiện các quy định về BPPN} \times 2.5}{\text{Tổng số UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh}}$	<b>2.5</b>
<p><b>7.2 Việc xử lý vi phạm</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc xử lý vi phạm trong việc thực hiện các quy định về BPPN của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số người đứng đầu bị xử lý vi phạm} \times 1.5}{\text{Số cơ quan bị phát hiện vi phạm}} + \frac{\text{Số CB, CC, VC bị xử lý vi phạm} \times 1.0}{\text{Số CB, CC, VC bị phát hiện vi phạm}}$	<b>2.5</b>

<b>C. PHÁT HIỆN CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG</b>		<b>25</b>
<b>1. Qua công tác tự kiểm tra nội bộ</b>		<b>6.0</b>
<b>1.1 Số vụ việc có liên quan đến tham nhũng được phát hiện</b> Chỉ số này đánh giá kết quả phát hiện các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thông qua kiểm tra nội bộ của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau:  $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cuộc kiểm tra nội bộ phát hiện được dấu hiệu tham nhũng} \times 3.0}{\text{Tổng số cuộc kiểm tra nội bộ của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã thực hiện}}$		<b>3.0</b>
<b>1.2 Tiền, tài sản được kiến nghị thu hồi</b> Chỉ số này đánh giá kết quả kiến nghị xử lý tiền, tài sản tham nhũng thông qua kiểm tra nội bộ của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau:  $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi qua kiểm tra nội bộ} \times 3.0}{\text{Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi được phát hiện qua kiểm tra nội bộ}}$		<b>3.0</b>
<b>2. Qua công tác thanh tra</b>		<b>5.0</b>
<b>2.1 Số vụ việc có liên quan đến tham nhũng được phát hiện</b> Chỉ số này đánh giá kết quả phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thông qua các cuộc thanh tra của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau:  $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cuộc thanh tra phát hiện được vụ việc có dấu hiệu tham nhũng} \times 2.0}{\text{Tổng số cuộc thanh tra đã thực hiện}}$		<b>2.0</b>
<b>2.2 Tiền, tài sản được kiến nghị thu hồi</b> Chỉ số này đánh giá kết quả kiến nghị xử lý tiền, tài sản tham nhũng thông qua thanh tra của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau:  $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi qua công tác thanh tra} \times 3.0}{\text{Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi được phát hiện qua công tác thanh tra}}$		<b>3.0</b>

<b>3. Qua công tác giải quyết tố cáo tham nhũng</b>	<b>5.0</b>
<p><b>3.1 Số vụ việc có liên quan đến tham nhũng được phát hiện</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá kết quả phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thông qua giải quyết tố cáo của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cuộc giải quyết tố cáo phát hiện được vụ việc có dấu hiệu tham nhũng} \times 2.0}{\text{Tổng số cuộc giải quyết tố cáo đã thực hiện}}$	<b>2.0</b>
<p><b>3.2 Tiền, tài sản được kiến nghị thu hồi</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá kết quả kiến nghị xử lý tiền, tài sản tham nhũng thông qua giải quyết tố cáo của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi qua giải quyết tố cáo} \times 3.0}{\text{Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi được phát hiện qua giải quyết tố cáo}}$	<b>3.0</b>
<b>4. Qua hoạt động giám sát</b>	<b>5.0</b>
<p><b>4.1 Số vụ việc có liên quan đến tham nhũng được phát hiện</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá kết quả phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thông qua hoạt động giám sát của các cơ quan giám sát cấp huyện và cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cuộc giám sát phát hiện được vụ việc có dấu hiệu tham nhũng} \times 2.0}{\text{Tổng số cuộc giám sát}}$	<b>2.0</b>
<p><b>4.2 Tiền, tài sản được kiến nghị thu hồi</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá kết quả xử lý tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi thông qua hoạt động giám sát của các cơ quan giám sát cấp huyện và cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Tiền, tài sản tham nhũng kiến nghị thu hồi qua hoạt động giám sát} \times 3.0}{\text{Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi được phát hiện qua hoạt động giám sát}}$	<b>3.0</b>

<b>Qua công tác điều tra, truy tố, xét xử các hành vi tham nhũng</b>	<b>4.0</b>
<p><b>5.1 Số vụ việc có liên quan đến tham nhũng được phát hiện</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá kết quả phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thông qua hoạt động điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan chức năng cấp huyện, cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cuộc điều tra, truy tố, xét xử phát hiện được vụ việc có dấu hiệu tham nhũng x 2.0}}{\text{Tổng số cuộc điều tra, truy tố, xét xử có liên quan đến tham nhũng}}$	<b>2.0</b>
<p><b>5.2 Tiền, tài sản được kiến nghị thu hồi</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá kết quả kiến nghị xử lý tiền, tài sản tham nhũng thông qua hoạt động điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan chức năng cấp huyện, cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi qua điều tra, truy tố, xét xử x 2.0}}{\text{Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi được phát hiện qua điều tra, truy tố, xét xử}}$	<b>2.0</b>

<b>1. Xử lý hành chính</b>	<b>5.0</b>
<p><b>1.1 Xử lý kỷ luật hành chính đối với tổ chức</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với tổ chức đã xảy ra tham nhũng của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đơn vị bị kỷ luật hành chính x 2.5}}{\text{Số đơn vị đã xảy ra hành vi tham nhũng}}$	<b>2.5</b>
<p><b>1.2 Xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá kết quả xử lý kỷ luật cá nhân có hành vi tham nhũng của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số người có hành vi tham nhũng bị xử lý kỷ luật x 2.5}}{\text{Số người có hành vi tham nhũng đã phát hiện}}$	<b>2.5</b>

<b>2. Xử lý hình sự</b>	<b>10</b>
<b>2.1 Kết quả điều tra tội phạm tham nhũng</b> Chỉ số này đánh giá kết quả điều tra tội phạm tham nhũng của các cơ quan điều tra cấp huyện, cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau:  $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số người có hành vi tham nhũng bị cơ quan điều tra đề nghị truy tố} \times 3.0}{\text{Số người có hành vi tham nhũng bị cơ quan điều tra khởi tố bị can}}$	<b>3.0</b>
<b>2.2 Kết quả truy tố tội phạm tham nhũng</b> Chỉ số này đánh giá kết quả truy tố tội phạm tham nhũng của các viện kiểm sát cấp huyện, cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau:  $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số người có hành vi tham nhũng bị Viện Kiểm sát truy tố} \times 3.0}{\text{Số người có hành vi tham nhũng bị cơ quan điều tra đề nghị truy tố}}$	<b>3.0</b>
<b>2.3 Kết quả xét xử tội phạm tham nhũng</b> Chỉ số này đánh giá kết quả xét xử tội phạm tham nhũng của Tòa án cấp huyện, cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau:  $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số người bị Tòa án kết án về hành vi tham nhũng} \times 4.0}{\text{Số người có hành vi tham nhũng bị Viện Kiểm sát truy tố}}$	<b>4.0</b>
<b>3. Thu hồi tài sản tham nhũng</b>	<b>10</b>
<b>3.1. Thu hồi tiền và tài sản tham nhũng</b>	<b>5.0</b>
<b>3.1.1 Tiền và tài sản thu hồi được qua các biện pháp hành chính:</b> Chỉ số này đánh giá hiệu quả của địa phương trong việc thu hồi tiền, tài sản bị tham nhũng thông qua biện pháp hành chính. Cách tính điểm như sau:  $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số tiền, tài sản đã thu hồi được} \times 2.5}{\text{Số tiền, tài sản bị tham nhũng phải thu hồi}}$	<b>2.5</b>

<p><b>3.2.2 Tiền, tài sản thu hồi được qua thi hành bản án hình sự:</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá hiệu quả của địa phương trong việc thu hồi tiền, tài sản bị tham nhũng thông qua thi hành bản án hình sự</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số tiền, tài sản đã thu hồi được} \times 2.5}{\text{Số tiền, tài sản bị tham nhũng phải thu hồi}}$	2.5
<p><b>3.2 Tỷ lệ đất đai đã thu hồi được</b></p>	5.0
<p><b>3.2.1 Đất đai thu hồi được qua các biện pháp hành chính:</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá hiệu quả trong việc thu hồi đất đai bị tham nhũng thông qua các biện pháp hành chính của địa phương.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đất đai bị tham nhũng đã thu hồi được} \times 2.5}{\text{Số đất đai bị tham nhũng phải thu hồi}}$	2.5
<p><b>3.2.2 Đất đai thu hồi được qua thi hành bản án hình sự</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá hiệu quả trong việc thu hồi đất đai bị tham nhũng thông qua thi hành bản án hình sự của địa phương.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đất đai bị tham nhũng đã thu hồi được} \times 2.5}{\text{Số đất đai bị tham nhũng phải thu hồi}}$	2.5